

CHƯƠNG 15
MUA SẴM CHÍNH PHỦ

BẢN CHÀO CỦA MEXICO

**(Bản dịch không chính thức của Cục Quản lý đấu thầu,
Bộ Kế hoạch và Đầu tư)**

HIỆP ĐỊNH XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP)

CHƯƠNG 15

MUA SẮM CHÍNH PHỦ

BẢN CHÀO CỦA MEXICO

PHẦN A

Cơ quan mua sắm cấp trung ương

Trừ trường hợp được quy định khác, Chương này áp dụng đối với gói thầu gói thầu của cơ quan mua sắm trong Phần này theo các ngưỡng dưới đây và tuân thủ quy định của Phần H:

USD\$79,507 đối với *Hàng hoá và Dịch vụ*

USD\$10,335,931 đối với *Dịch vụ xây dựng*

Các cơ quan cấp liên bang

1. Bộ các vấn đề Chính phủ, bao gồm:
 - a. Tổng thư ký Hội đồng Dân số Quốc gia.
 - b. Ban thư ký Điều hành Hệ thống An ninh Quốc gia.
 - c. Tổng cục Lưu trữ Quốc gia.
 - d. Trung tâm Phòng chống thiên tai quốc gia.
 - e. Viện Phát triển Liên bang và Đô thị Quốc gia.
 - f. Ban thư ký Kỹ thuật Ủy ban Kiểm tra Tạp chí và Ấn phẩm.
 - g. Trung tâm Sản xuất Chương trình Thông tin.
 - h. Tổng điều phối Ủy ban Mê-hi-cô về hỗ trợ người tị nạn.
 - i. Viện Xuất nhập cảnh quốc gia.
 - j. Ủy ban quốc gia về Ngăn ngừa và Xóa bỏ Bạo hành Phụ nữ.
 - k. Ban thư ký Kỹ thuật Hội đồng Điều phối triển khai Hệ thống Tư pháp Hình sự.
 - l. Cảnh sát Liên bang.
 - m. Cơ quan Phòng chống tệ nạn và Hoà nhập cộng đồng.
2. Bộ Ngoại giao, bao gồm:
 - a. Viện Matías Romero.
 - b. Viện người Mê-hi-cô ở nước ngoài.
 - c. Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Mê-hi-cô.
3. Bộ Tài chính và Tín dụng công, bao gồm:
 - a. Ủy ban Ngân hàng và Chứng khoán Quốc gia.
 - b. Ủy ban Bảo hiểm và Bảo lãnh Quốc gia.
 - c. Cục Quản lý Thuế.
 - d. Cục Quản lý tài sản.
 - e. Ủy ban Quốc gia về Hệ thống Tiết kiệm Hưu trí.
4. Bộ Nông nghiệp, Chăn nuôi, Phát triển nông thôn, Thủy sản và Thức ăn chăn nuôi, bao gồm:
 - a. Viện nghiên cứu Lâm nghiệp, Nông nghiệp và Gia súc Quốc gia.
 - b. Cục Hỗ trợ Tiếp thị Nông nghiệp.
 - c. Ủy ban Quốc gia về Nuôi trồng thủy sản và Thủy sản.
 - d. Cục Y tế, Chồng độc và Chất lượng dinh dưỡng chăn nuôi Quốc gia.
 - e. Cục thông tin và Thống kê dinh dưỡng chăn nuôi và Thủy sản.
 - f. Cục Kiểm tra và Chứng nhận Hạt Quốc gia.
 - g. Viện Thủy sản.
5. Bộ Truyền thông và Giao thông vận tải, bao gồm:
 - a. Viện Giao thông vận tải Mê-hi-cô.
 - b. Cục Hàng không Mê-hi-cô.

6. Bộ Kinh tế, bao gồm:
 - a. Ủy ban Cải cách Pháp luật Liên bang.
 - b. Viện Doanh nghiệp Quốc gia.
 - c. Viện Kinh tế Xã hội Quốc gia.

7. Bộ Giáo dục, bao gồm:
 - a. Viện Nhân chủng học và Lịch sử.
 - b. Viện Văn học Nghệ thuật Quốc gia.
 - c. Viện Nghiên cứu Lịch sử Cách mạng Mê-hi-cô.
 - d. Cục Giáo dục phát thanh.
 - e. Ủy ban Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia.
 - f. Ủy ban Thể thao và Văn hóa Vật thể Quốc gia.
 - g. Viện Tác quyền Quốc gia.
 - h. Cục Quản lý giáo dục Liên bang ở Mê-hi-cô City.
 - i. Ủy ban Trọng tài và Kháng cáo Thể thao.
 - j. Viện Bách khoa Quốc gia.
 - k. Đại học Sư phạm Quốc gia.

8. Bộ Y tế, bao gồm:
 - a. Cục Quản lý Quỹ từ thiện công.
 - b. Trung tâm Truyền máu Quốc gia.
 - c. Phòng thí nghiệm Sinh phẩm và Hoá chất Mê-hi-cô.
 - d. Viện Phục hồi chức năng Quốc gia.
 - e. Trung tâm Quốc gia Phòng chống và Kiểm soát HIV/AIDS.
 - f. Trung tâm Quốc gia về Sức khỏe Thanh thiếu niên.
 - g. Ủy ban Kiểm soát Rủi ro sức khỏe Liên bang.
 - h. Cục Sức khỏe tâm thần.
 - i. Ủy ban Quốc gia về Trọng tài Y tế.
 - j. Trung tâm Cây ghép Quốc gia.
 - k. Trung tâm Quốc gia về Sức khỏe Sinh sản và Bình đẳng giới.
 - l. Trung tâm Quốc gia về Công nghệ Y tế.
 - m. Trung tâm Quốc gia về Phòng chống và Kiểm soát dịch bệnh.
 - n. Trung tâm Quốc gia về Phòng chống và Cai nghiện.
 - o. Ủy ban Quốc gia về Đạo đức Sinh học.
 - p. Ủy ban Quốc gia về Bảo vệ Sức khỏe Cộng đồng.

9. Bộ Lao động và Phúc lợi xã hội, bao gồm:
 - a. Văn phòng Luật sư Liên bang về Bảo vệ người lao động.
 - b. Liên Ủy ban Quốc gia về Bảo vệ thu nhập.

10. Bộ Phát triển Đô thị nông nghiệp và Lãnh thổ, bao gồm:
 - a. Văn phòng Luật sư nông nghiệp.
 - b. Cục Đăng ký Đất nông nghiệp Quốc gia.
 - c. Ủy ban Nhà ở Quốc gia.

11. Bộ Tài nguyên Môi trường, bao gồm:
 - a. Viện Công nghệ nước Mê-hi-cô.
 - b. Ủy ban Quốc gia về các Khu bảo tồn thiên nhiên.
 - c. Viện Quốc gia về Sinh thái và Biến đổi khí hậu.
 - d. Văn phòng Luật sư Liên bang về Bảo vệ môi trường.

12. Văn phòng Tổng chương lý đảng Cộng hòa.

13. Bộ Năng lượng, bao gồm:
 - a. Ủy ban Quốc gia về An toàn và An ninh hạt nhân.
 - b. Ủy ban Quốc gia về Bảo tồn Năng lượng.
 - c. Ủy ban Điều tiết Năng lượng.

14. Bộ Phát triển Xã hội, bao gồm:
 - a. Cục Điều phối Quốc gia PROSPERA.
 - b. Viện Phát triển xã hội Quốc gia.

15. Bộ Du lịch, bao gồm:
 - a. Viện Năng lực cạnh tranh Du lịch.
 - b. Tổng công ty Dịch vụ du lịch Ángeles Verdes.
16. Bộ Hành chính, bao gồm:
 - a. Viện Quản lý và Thẩm định tài sản quốc gia.
17. Ủy ban Quốc gia về các Khu vực khô cằn.
18. Ủy ban Quốc gia về sách giáo khoa miễn phí.
19. Hội đồng Phát triển Giáo dục Quốc gia.
20. Bộ Quốc phòng.
21. Bộ Hải quân.
22. Trung tâm Phát triển Kỹ thuật và Công nghiệp.

Lưu ý: Bản dịch tiếng Anh chỉ để tham khảo.

PHẦN B

Các cơ quan cấp bang

Chưa cam kết.

PHẦN C

Các cơ quan khác

Trừ trường hợp được quy định khác, Chương này áp dụng đối với gói thầu gói thầu của cơ quan mua sắm trong Phần này theo các ngưỡng dưới đây và tuân thủ quy định của Phần H:

USD\$397,535 đối với *Hàng hoá và Dịch vụ*

USD\$12,721,740 đối với *Dịch vụ xây dựng*

1. Nhà in Quốc gia Mê-hi-cô.
2. Cục Quản lý sân bay và các Dịch vụ phụ trợ (ASA).
3. Cục Quản lý Đường và Cầu thu phí Liên bang (CAPUFE).
4. Cục Bưu chính Mê-hi-cô.
5. Cục Viễn thông Mê-hi-cô (TELECOM).
6. Tổng công ty dầu khí Mê-hi-cô (PEMEX) (Không bao gồm gói thầu mua nhiên liệu và khí đốt)
 - Liên minh hợp tác PEMEX
 - Công ty thăm dò và sản xuất PEMEX
 - Công ty lọc dầu PEMEX
 - Công ty khí đốt và hoá dầu cơ bản PEMEX
 - Công ty hoá dầu PEMEX

7. Ủy ban Điện lực Liên bang.
8. Cục Địa chất Mê-hi-cô.
9. Cục Quản lý phân phối và Xúc tiến thương mại.
10. Công ty Sữa công nghiệp Conasupo S.A. (Không bao gồm gói thầu mua hàng hoá nông nghiệp nhằm thúc đẩy các chương trình hỗ trợ nông nghiệp hoặc cứu đói).
11. Văn phòng Luật sư Liên bang bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
12. Viện An sinh xã hội và Dịch vụ công chức.
13. Viện An sinh xã hội Mê-hi-cô.
14. Hệ thống Quốc gia về Phát triển Gia đình (Không bao gồm gói thầu mua hàng hoá nông nghiệp để thúc đẩy các chương trình hỗ trợ nông nghiệp hoặc chương trình cứu đói).
15. Viện An sinh xã hội cho các lực lượng vũ trang Mê-hi-cô.
16. Ủy ban Quốc gia vì sự phát triển của người bản địa.
17. Viện Giáo dục Quốc gia về Người trưởng thành.
18. Trung tâm Hoà nhập Thanh niên.
19. Viện Lão khoa Quốc gia.
20. Viện Cơ sở hạ tầng Giáo dục Thể chất Quốc gia.
21. Ủy ban Quốc gia về Nước.
22. Ủy ban Hợp thức hoá Quyền sở hữu đất.
23. Hội đồng Khoa học Công nghệ Quốc gia.
24. NOTIMEX S.A.
25. Viện Nghệ thuật điện ảnh Mê-hi-cô.
26. Công ty Xổ số Quốc gia.
27. Trung tâm Dự báo công.
28. Viện Phụ nữ Quốc gia.
29. Tổng công ty Cảng hàng không Mê-hi-cô City.
30. Công ty Cảng hàng không quốc tế Mê-hi-cô City.
31. Công ty dịch vụ Cảng hàng không Mê-hi-cô City.
32. Viện Tài sản Công nghiệp Mê-hi-cô.
33. Ủy ban Lâm nghiệp Quốc gia.
34. Viện Thanh thiếu niên Mê-hi-cô.

35. Công ty đường sắt Itsmo de Tehuatepec.

36. Ban quản lý Du lịch Mê-hi-cô.

Lưu ý đối với phần C

1. Bản dịch tiếng Anh chỉ có giá trị tham khảo.

2. Đối với Bờ-ru-nây, Ma-lai-xi-a, Niu Di-lân và Việt Nam, Chương này không áp dụng đối với gói thầu của các cơ quan trong phần C.

PHẦN D

Danh mục hàng hoá

Trừ trường hợp có quy định khác, Chương 15 (Mua sắm chính phủ) áp dụng đối với tất cả gói thầu mua sắm hàng hoá của những cơ quan được liệt kê trong Phần A và Phần C. Tuy nhiên, đối với Bộ Quốc phòng và Bộ Hải quân, chỉ những gói thầu mua sắm hàng hoá dưới đây thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương 15 (Mua sắm chính phủ):

(Lưu ý: mã hàng hoá dưới đây theo Danh mục Hàng hoá Liên bang – FSC – Mã hiệu)

22. Thiết bị đường sắt
23. Phương tiện hiệu ứng mặt đất, phương tiện gắn máy, xe rơ-moóc và xe đạp (ngoại trừ xe buýt trong 2310; và xe tải và xe kéo quân sự trong 2320 và 2330 và
24. Máy kéo
25. Linh kiện thiết bị đường dành cho xe cộ
26. Lốp và xăm
29. Phụ kiện động cơ
30. Thiết bị truyền động cơ học
32. Máy và thiết bị xử lý gỗ
34. Máy xử lý kim loại
35. Thiết bị dịch vụ và thương mại
36. Máy công nghiệp chuyên dụng
37. Máy móc và thiết bị nông nghiệp
38. Thiết bị xây dựng, khai mỏ, đào đất và bảo trì
39. Thiết bị xử lý vật liệu
40. Dây thừng, dây cáp, dây xích và phụ kiện
41. Thiết bị làm mát, điều hoà không khí và lưu thông không khí
42. Thiết bị cứu hoả, cứu nạn và thiết bị an toàn; và thiết bị và vật liệu bảo vệ môi trường
43. Máy bơm và máy nén
44. Lò sưởi, máy bơm nước và thiết bị làm khô; và lò phản ứng hạt nhân
45. Thiết bị ống nước, làm nóng và xử lý chất thải
46. Thiết bị lọc nước và xử lý nước thải
47. Ống dẫn, hệ thống ống, ống mềm và phụ tùng
48. Van
49. Thiết bị bảo trì và sửa chữa
52. Các thiết bị đo lường
53. Phần cứng và vật liệu mài mòn
54. Giàn giáo và cấu trúc làm sẵn
55. Gỗ xây dựng, gỗ, gỗ ép và gỗ dán
56. Vật liệu xây dựng
61. Dây điện, và thiết bị điện và thiết bị phân phối
62. Hệ thống đèn và chiếu sáng
63. Hệ thống báo động, tín hiệu và phát hiện an ninh
65. Dụng cụ và thiết bị thú y, nha khoa và thiết bị y tế
66. Dụng cụ và thiết bị thí nghiệm
67. Thiết bị nhiếp ảnh
68. Hoá chất và sản phẩm hoá học

- 69. Hỗ trợ đào tạo và thiết bị
- 70. Thiết bị xử lý thông tin tự động (bao gồm cả phần mềm), phần mềm, thiết bị cung cấp và hỗ trợ
- 71. Nội thất
- 72. Nội thất hộ gia đình và thương mại và đồ gia dụng
- 73. Thiết bị chuẩn bị và phục vụ thực phẩm
- 74. Máy văn phòng, hệ thống xử lý tin nhắn và thiết bị ghi âm có thể nhìn thấy
- 75. Máy móc, thiết bị văn phòng
- 76. Sách, bản đồ và các ấn bản khác (Ngoại trừ 7650: bản vẽ và thông số)
- 77. Nhạc cụ, máy hát và radio kiểu gia đình
- 78. Thiết bị giải trí, thể thao
- 79. Trang thiết bị vệ sinh
- 80. Bàn chải, sơn, dầu và chất dính
- 81. Thùng chứa, bao bì và vật tư bao bì
- 85. Đồ vệ sinh
- 87. Vật tư nông nghiệp
- 88. Động vật sống
- 91. Nhiên liệu, dầu nhờn, dầu và sáp
- 93. Vật liệu giả phi kim
- 94. Vật liệu phi kim thô
- 96. Quặng, khoáng chất và sản phẩm quặng, khoáng chất (ngoại trừ 9620: khoáng chất tự nhiên và tổng hợp)
- 99. Các loại khác

PHẦN E

Danh mục dịch vụ

Chương 15 (Mua sắm chính phủ) không áp dụng với các gói thầu cung cấp các dịch vụ sau phù hợp với Phụ lục 1001.1b-2-B Hệ thống phân loại chung trong Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA) do các cơ quan mua sắm được liệt kê trong Phần A và Phần C thực hiện:

- A Nghiên cứu và phát triển
- Tất cả các dịch vụ
- C Dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
 - C130 Dịch vụ phục chế (chỉ dành cho việc bảo tồn các toà nhà và công trình lịch sử)
- D Dịch vụ xử lý thông tin và các dịch vụ viễn thông liên quan
 - D304 ADP các dịch vụ viễn thông và dịch vụ truyền phát trừ những dịch vụ được phân loại là dịch vụ nâng cao hoặc có giá trị gia tăng, được coi là các dịch vụ viễn thông có sử dụng hệ thống xử lý máy tính, trong đó: (a) hoạt động đối với định dạng, nội dung, mã, giao thức hoặc các hoạt động tương tự của các thông tin được truyền bởi người sử dụng, (b) cung cấp cho khách hàng các thông tin bổ sung, thông tin khác hoặc các thông tin đã được tái cấu trúc, hoặc (c) tạo sự tương tác giữa khách hàng và thông tin được lưu trữ. Trong điều khoản này, việc mua lại của các dịch vụ viễn thông và dịch vụ truyền phát ADP không bao gồm quyền sở hữu hoặc xây dựng các cơ sở dịch vụ thoại hoặc truyền dữ liệu.
 - D305 Dịch vụ xử lý dữ liệu từ xa và dịch vụ chia sẻ tài sản.
 - D309 Dịch vụ phổ biến thông tin và dữ liệu hoặc Dịch vụ phân phối dữ liệu
 - D316 Dịch vụ quản lý mạng viễn thông.
 - D317 Dịch vụ tin tức tự động, dịch vụ dữ liệu hoặc các dịch vụ mua dữ liệu và thông tin khác (phiên bản điện tử tương tự của sách, báo, tạp chí...)
 - D399 Các dịch vụ viễn thông ADP khác (bao gồm cả lưu trữ dữ liệu trên đĩa, đĩa CD...)
 - F Dịch vụ tài nguyên thiên nhiên
 - F011 Dịch vụ hỗ trợ phun thuốc trừ sâu
 - G Dịch vụ y tế và xã hội
 - Tất cả các nhóm
 - J Dịch vụ bảo trì, sửa chữa, tái xây dựng và lắp đặt hàng hoá/thiết bị:
 - J010 Vũ khí
 - J011 Vật liệu hạt nhân
 - J012 Thiết bị điều khiển hoá lực
 - J013 Đạn và chất nổ

J014	Tên lửa hành trình
J015	Phương tiện bay và cấu kiện khung máy bay
J016	Phụ tùng và linh kiện phương tiện bay
J017	Thiết bị phóng, hạ cánh và xử lý mặt đất cho phương tiện bay
J018	Phương tiện không gian
J019	Tàu thủy, thuyền nhỏ, thuyền phao và ụ nổi sửa chữa tàu.
J020	Thiết bị tàu thủy và hàng hải
J022	Thiết bị đường sắt
JO23	Phương tiện hiệu ứng mặt đất, phương tiện gắn máy, xe rơ-moóc và xe đạp
J024	Máy kéo
J025	Phụ tùng động cơ gắn máy
J998	Sửa chữa tàu phi hạt nhân
K	Hoạt động giam giữ và dịch vụ liên quan (các dịch vụ chuyên nghiệp nhằm mục đích bảo vệ, an ninh cá nhân và hệ thống giám sát do lực lượng bảo vệ vũ trang thực hiện)
K103	Dịch vụ tiếp nhiên liệu và các dịch vụ xăng dầu khác – ngoại trừ việc lưu trữ
K105	Dịch vụ bảo vệ (các dịch vụ chuyên nghiệp nhằm mục đích bảo vệ, an ninh cá nhân và hệ thống giám sát do lực lượng bảo vệ vũ trang thực hiện)
K109	Dịch vụ giám sát (các dịch vụ chuyên nghiệp nhằm mục đích bảo vệ, an ninh cá nhân và hệ thống giám sát do lực lượng bảo vệ vũ trang thực hiện)
K110	Dịch vụ xử lý nhiên liệu rắn
L	Dịch vụ tài chính và các dịch vụ liên quan
Tất cả các nhóm	
R	Dịch vụ tư vấn quản lý, hỗ trợ hành chính và hỗ trợ nghề nghiệp
R003	Dịch vụ pháp lý
R004	Chứng nhận và chứng thực cho sản phẩm và các tổ chức ngoài các tổ chức giáo dục
R012	Dịch vụ bằng sáng chế và thương hiệu
R016	Hợp đồng dịch vụ cá nhân
R101	Chuyên gia làm chứng (riêng cho dịch vụ pháp lý)
R103	Dịch vụ nhắn tin và chuyên phát nhanh
R105	Dịch vụ phân phối và thư tín (ngoại trừ dịch vụ bưu điện)
R106	Dịch vụ bưu điện
R116	Dịch vụ báo cáo tại Toà án
R200	Tuyển dụng quân đội
S	Các dịch vụ công
Tất cả các nhóm	
T	Dịch vụ truyền thông, Chụp ảnh, Vẽ bản đồ, In ấn và Xuất bản
T000	Nghiên cứu truyền thông
T001	Dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trước đây là dịch vụ phỏng vấn thực địa và qua điện thoại, bao gồm cả điều tra thử, cung cấp thông tin và đánh giá thái độ) Ngoại trừ CPC 86503 Dịch vụ tư vấn quản lý marketing
T002	Dịch vụ truyền thông (kể cả dịch vụ triển lãm)
T003	Dịch vụ quảng cáo
T004	Dịch vụ quan hệ công chúng (Kể cả dịch vụ viết, quản lý và lập kế hoạch cho sự kiện, Quan hệ với giới truyền thông, Phân tích trên đài và tivi, Dịch vụ tổ chức họp báo)
T005	Dịch vụ nghệ thuật, dịch vụ đồ họa
T008	Dịch vụ xử lý phim ảnh
T009	Dịch vụ sản xuất video/phim
T010	Dịch vụ Microfiche
T013	Dịch vụ nhiếp ảnh chung
T014	Dịch vụ in, đóng sách
T015	Dịch vụ tái sản xuất
T017	Dịch vụ nhiếp ảnh – hoạt hình
T018	Dịch vụ nghe nhìn
T099	Các dịch vụ xuất bản, in ấn, chụp ảnh và liên lạc khác
U	Dịch vụ giáo dục và đào tạo
U003	Đào tạo quân dự bị (Quân sự)
U010	Chứng chỉ và chứng nhận cho cơ sở đào tạo
V	Dịch vụ vận tải, du lịch
Tất cả các nhóm	(ngoại trừ V503 Dịch vụ đại lý du lịch)

W Dịch vụ thuê và cho thuê thiết bị yêu cầu có bảo hộ bằng sáng chế, bản quyền hoặc các quyền độc quyền khác
W058 Thiết bị liên lạc, phát hiện và dò tìm phóng xạ

Lưu ý chung:

1. – Chương này không áp dụng với việc vận hành công trình chức năng của chính phủ được nhượng quyền.
2. – Chương này không áp dụng đối với các dịch vụ liên quan tới hàng hoá do Bộ Quốc phòng và Bộ Hải quân mua sắm mà không thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này.
3. – Tất cả dịch vụ được loại trừ khỏi phạm vi của Chương này tùy theo các điều khoản và phụ lục về thương mại dịch vụ trong Hiệp định này.
4. – Việc quản lý và thực hiện các hợp đồng dịch vụ trao cho các trung tâm nghiên cứu và phát triển sử dụng ngân sách liên bang hoặc liên quan tới việc triển khai các chương trình nghiên cứu của chính phủ được loại trừ khỏi phạm vi điều chỉnh của Chương này.
5. – Chương này không áp dụng đối với dịch vụ vận tải là một phần hoặc gắn liền với một gói thầu.

PHẦN F

Dịch vụ xây dựng

Chương này áp dụng đối với tất cả gói thầu dịch vụ xây dựng của các cơ quan được liệt kê trong phần A và phần C, như quy định trong Nhóm 51 của Danh mục Sản phẩm Trung tâm Tam thời của Liên Hợp Quốc (CPCProv) tại địa chỉ <http://unstats.un.org/unsd/cr/registry/regcs.asp?Cl=9&Lg=1&Co=51>, trừ trường hợp được quy định khác trong Chương này, bao gồm cả Phụ lục này.

PHẦN G

Lưu ý chung của Mê-hi-cô

Những lưu ý chung dưới đây áp dụng đối với Chương này, bao gồm từ Phần A tới Phần F:

Các quy định trong thời gian chuyển đổi¹

PEMEX, CFE và Xây dựng phi năng lượng

- Mê-hi-cô có thể bảo lưu khỏi các nghĩa vụ của Chương này trong mỗi năm dương lịch kể từ ngày Hiệp định này có hiệu lực đối với Mê-hi-cô theo một tỷ lệ phần trăm tương ứng như quy định tại khoản 2 dưới đây tính trên:
 - tổng giá gói thầu mua sắm hàng hoá và dịch vụ và bất kỳ sự kết hợp nào của cả hai cũng như dịch vụ xây dựng do PEMEX tổ chức lựa chọn nhà thầu trong năm đó mà cao hơn ngưỡng quy định trong phần C;
 - tổng giá gói thầu mua sắm hàng hoá và dịch vụ và bất kỳ sự kết hợp nào của cả hai cũng như dịch vụ xây dựng do CFE tổ chức lựa chọn nhà thầu trong năm đó mà cao hơn ngưỡng quy định trong phần C; and
 - tổng giá gói thầu xây lắp trong năm đó cao hơn ngưỡng quy định trong Phần A, ngoại trừ các gói thầu xây lắp của PEMEX và CFE.
- Tỷ lệ phần trăm như đã nêu tại khoản 1 ở trên cụ thể như sau:

Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5
50%	45%	45%	40%	40%
Năm 6	Năm 7	Năm 8	Năm 9	Từ năm 10
35%	35%	30%	30%	trở đi
				0%

- Giá gói thầu của gói thầu sử dụng nguồn vốn vay từ các tổ chức tài chính đa phương và khu vực không được tính vào tổng giá gói thầu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 nêu trên.
- Mê-hi-cô có nghĩa vụ đảm bảo rằng tổng giá gói thầu đối với bất kỳ nhóm FSC nào (hoặc hệ thống phân loại khác do các Nước thành viên thống nhất) được bảo lưu cho PEMEX hoặc CFE theo khoản 1 và khoản 2 nêu trên trong bất kỳ năm dương lịch nào sẽ không vượt quá 15 phần trăm tổng giá gói thầu có thể bảo lưu cho PEMEX hoặc CFE trong năm đó.

Dược phẩm

- Cho tới tháng Một của năm thứ chín kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực đối với Mê-hi-cô, Chương này không áp dụng đối với gói thầu của Bộ Y tế, IMSS, ISSSTE, Bộ Quốc phòng và Bộ Hải quân khi mua sắm thuốc chưa có bản quyền ở Mê-hi-cô hoặc bản quyền ở Mê-hi-cô hết hạn. Khoản này không làm ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Chương 18 (Sở hữu trí tuệ).

Các quy định vĩnh viễn

¹ Các quy định trong thời gian chuyển đổi trong phần này không áp dụng đối với Canada, Nhật Bản và Hoa Kỳ. Đối với Chile và Pê-ru, Mê-hi-cô có nghĩa vụ áp dụng quy định tương đương được nêu trong Phụ lục 8.2, Phần G “Các Lưu ý chung và Vi phạm” (Chương 8) của Nghị định thư Bổ sung đối với Hiệp định Liên minh Thái Bình Dương.

6. Chương này không áp dụng đối với gói thầu:
 - (a) vì mục đích bán lại mang tính thương mại của các cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu chính phủ;
 - (b) do một cơ quan mua sắm từ một cơ quan khác của Mê-hi-cô; hoặc
 - (c) mua nước và cung cấp năng lượng hoặc nhiên liệu để sản xuất năng lượng.
7. Chương này không áp dụng đối với dịch vụ công (bao gồm dịch vụ viễn thông, truyền tải, nước và năng lượng).
8. Chương này không áp dụng đối với dịch vụ vận tải, bao gồm: vận tải đường bộ (CPC 71); vận tải đường thủy (CPC 72); vận tải đường hàng không (CPC 73); vận tải hỗ trợ và phụ trợ (CPC 74); bưu chính và viễn thông (CPC 75); dịch vụ sửa chữa các thiết bị vận tải khác trên cơ sở trả phí hoặc hợp đồng (CPC 8868).
9. Chương này không áp dụng đối với hợp đồng BOT và các hợp đồng nhượng quyền.
10. Mặc dù được quy định trong Chương này, Mê-hi-cô có thể bảo lưu các gói thầu theo các yêu cầu sau:²
 - a. tổng giá trị hợp đồng được bảo lưu không vượt quá những mức sau khi quy đổi sang đồng peso của Mê-hi-cô:
 - i. 1.34 tỷ đô-la Hoa Kỳ mỗi năm cho tới ngày 31 tháng Mười hai của năm thứ chín kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Mê-hi-cô, được phân bổ cho tất cả các cơ quan mua sắm, ngoại trừ PEMEX và CFE;
 - ii. 2.23 tỷ đô-la Hoa Kỳ mỗi năm tính từ ngày 1 tháng Một của năm thứ mười kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Mê-hi-cô, được phân bổ cho tất cả các cơ quan mua sắm;
 - b. tổng giá trị hợp đồng đối với một phân nhóm FSC (hoặc hệ thống phân loại khác do các Nước thành viên thống nhất) mà có thể bảo lưu theo quy định của khoản này trong bất kỳ năm nào không được vượt quá 10% tổng giá trị hợp đồng có thể bảo lưu theo quy định của khoản này trong năm đó; và
 - c. các cơ quan mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của điểm (a) có thể bảo lưu trong bất kỳ năm nào những gói thầu có giá gói thầu vượt quá 20% tổng giá trị hợp đồng có thể bảo lưu trong năm đó.
 - d. tổng giá trị hợp đồng mà PEMEX và CFE bảo lưu có thể không vượt quá 892 triệu đô-la Hoa Kỳ quy đổi ra peso Mê-hi-cô trong mỗi năm, bắt đầu từ ngày 1 tháng Một của năm thứ mười kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Mê-hi-cô.
11. Bắt đầu từ tháng Một của năm kế tiếp năm mà Hiệp định có hiệu lực đối với Mê-hi-cô, giá trị tính theo đồng đô-la Hoa Kỳ đã nêu trong khoản 10 nêu trên phải được điều chỉnh hàng năm theo lạm phát tích lũy kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực đối với Mê-hi-cô, dựa vào hệ số khử lạm phát tính theo Tổng Sản phẩm Quốc nội của Hoa Kỳ (USGDP) hoặc các chỉ số kế thừa được đăng tải bởi Hội đồng Cố vấn Kinh tế trên tạp chí “Các chỉ số kinh tế”.

Giá trị đô-la Hoa Kỳ được điều chỉnh theo lạm phát tính tới tháng Một mỗi năm sau năm 2015 phải bằng giá trị đô-la Hoa Kỳ ban đầu nhân với tỷ lệ:

- a. hệ số khử lạm phát tính theo USGDP hoặc các chỉ số kế thừa được đăng tải bởi Hội đồng Cố vấn Kinh tế trên tạp chí “Các chỉ số kinh tế”, trên
- b. hệ số khử lạm phát tính theo USGDP hoặc các chỉ số kế thừa được đăng tải bởi Hội đồng Cố vấn Kinh tế trên tạp chí “Các chỉ số kinh tế”, tại thời điểm Hiệp định có hiệu lực đối với Mê-hi-cô,

² Trong khoản này, Mê-hi-cô phải áp dụng với: (i) Canada và Hoa Kỳ các điều khoản tương đương như quy định tại Phụ lục 1001.2b (Bản chào của Mê-hi-cô) của NAFTA; (ii) Nhật Bản các điều khoản tương đương như quy định tại Phụ lục 16 được dẫn chiếu trong Chương 11 (Lưu ý chung Mê-hi-cô, Phần 2, Các điều khoản vĩnh viễn) của Hiệp định Đối tác Kinh tế Nhật Bản - Mê-hi-cô (EPA); và (iii) Chile và Pê-ru các điều khoản tương đương như quy định tại Phụ lục 8.2, Phần G “Lưu ý chung và Vi phạm” (Chương 8) của Nghị định thư Bổ sung của Hiệp định Liên minh Thái Bình Dương.

với điều kiện là hệ số khử lạm phát theo quy định tại điểm (a) và (b) nêu trên có cùng năm cơ sở.

Giá trị đô-la điều chỉnh được làm tròn tới số hàng triệu.

12. Ngoại lệ an ninh quốc gia theo quy định tại Điều 29.2 (Các ngoại lệ an ninh) áp dụng với các gói thầu hỗ trợ bảo vệ nguyên liệu và công nghệ hạt nhân.
13. Mặc dù được quy định trong Chương này, cơ quan mua sắm có thể áp dụng yêu cầu hàm lượng nội địa nhưng không vượt quá:
 - a. 40%, đối với dự án chia khoá trao tay thâm dụng lao động hoặc dự án tích hợp quy mô lớn; hoặc
 - b. 25%, đối với dự án chia khoá trao tay thâm dụng vốn hoặc dự án tích hợp quy mô lớn.

Trong khoản này, “dự án chia khoá trao tay hoặc dự án tích hợp quy mô lớn” có nghĩa chung là một dự án xây dựng, cung cấp hoặc lắp đặt do cá nhân hoặc tổ chức thực hiện căn cứ theo quyền hạn của một cơ quan mua sắm mà trong dự án đó:

- i. nhà thầu chính có quyền lựa chọn tổng thầu và nhà thầu phụ;
 - ii. Chính phủ Mê-hi-cô và các cơ quan mua sắm không tài trợ cho dự án;
 - iii. cá nhân/tổ chức nêu trên chịu rủi ro liên quan tới việc không hoàn thành hợp đồng; và
 - iv. công trình đó sẽ được vận hành bởi một cơ quan hoặc thông qua một gói thầu của cơ quan đó.
14. Trường hợp trong một năm cụ thể, tổng giá gói thầu của Mê-hi-cô vượt quá mức tối đa bảo lưu cho năm đó theo quy định tại khoản 10 Điều khoản Vĩnh viễn hoặc khoản 1, 2, và 4 Điều khoản Chuyển đổi, Mê-hi-cô phải tham vấn các Nước thành viên khác nhằm thống nhất về giải pháp đền bù dưới dạng cơ hội tham dự các gói thầu khác trong năm tiếp theo. Việc tham vấn không được làm tổn hại đến quyền của các Nước thành viên theo quy định Chương 28 (Giải quyết tranh chấp).
 15. Chương này không nhằm yêu cầu PEMEX tham gia vào các hợp đồng san sẻ rủi ro.
 16. Chương này không áp dụng đối với gói thầu được trao cho các hợp tác xã và các nhóm yếu thế ở thành thị và nông thôn mà các cơ quan chính phủ có thoả thuận trực tiếp phù hợp với luật pháp hiện hành tại thời điểm Hiệp định này có hiệu lực đối với.
 17. Để rõ nghĩa hơn, việc tuân thủ Chương này phải phù hợp với những nội dung sau:
 - (a) Trường hợp cơ quan tổ chức lựa chọn nhà thầu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này, Chương này không áp dụng đối với hàng hoá và dịch vụ của gói thầu đó;
 - (b) Các ngoại lệ liên quan chung hoặc riêng tới một cơ quan mua sắm cũng sẽ áp dụng đối với cơ quan kế thừa của cơ quan đó để bảo đảm giá trị của bản chào này; và
 - (c) Chương này không áp dụng đối với gói thầu do một cơ quan mua sắm tổ chức lựa chọn nhà thầu thay mặt cho một cơ quan khác mà gói thầu đó sẽ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương này nếu cơ quan nêu trên tự tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Phần H
Ngưỡng áp dụng đối với Mê-hi-cô

1. Mặc dù có các ngưỡng quy định tại Phần A và Phần C, nhằm đảm bảo tính tương đương đối với các ngưỡng hiện tại đang áp dụng trong NAFTA, Mê-hi-cô có nghĩa vụ, kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực đối với Mê-hi-cô, áp dụng ngưỡng trong NAFTA, kể cả khi có sửa đổi, thay cho ngưỡng quy định tại Phần A và Phần C.

2. Mê-hi-cô có nghĩa vụ tính toán và chuyển đổi giá trị các ngưỡng sang đồng peso Mê-hi-cô theo tỷ giá của Banco de México. Tỷ giá nêu trên là giá trị hiện hành của đồng peso Mê-hi-cô tính theo đô-la Hoa Kỳ tại thời điểm ngày 1 tháng Mười hai và ngày 1 tháng Sáu hàng năm, hoặc ngày làm việc đầu tiên sau đó. Tỷ giá ngày 1 tháng Mười hai áp dụng từ ngày 1 tháng Một tới ngày 30 tháng Sáu của năm kế tiếp, và tỷ giá ngày 1 tháng Sáu áp dụng từ ngày 1 tháng Bảy tới ngày 31 tháng Mười hai của năm đó.

3. Thông tin liên quan tới ngưỡng sẽ được đăng tải tại địa chỉ www.compranet.gob.mx

Phần I
Thông tin đấu thầu

Thông tin về các gói thầu mua sắm chính phủ được đăng tải trên các trang điện tử sau đây:

www.dof.gob.mx

www.compranet.gob.mx

www.pemex.com

www.cfe.gob.mx